

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai
đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương
thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn
vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03
Chương trình mục tiêu quốc gia;*

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh là 189,594 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương là 171,173 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh tương ứng là 18,421 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Các Bộ: KH-ĐT, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, VHXX. ttkan180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	Đầu mỗi giao Kế hoạch	Tổng hệ số	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó		Ghi chú
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
	TỔNG			189.594	171.173	18.421	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			159.599	145.090	14.509	
I.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			159.599	145.090	14.509	
I.1.1	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		1,65	139.799	127.090	12.709	
1	Huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	0,78	66.087	60.079	6.008	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
2	Huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	0,87	73.712	67.011	6.701	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
I.1.2	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			19.800	18.000	1.800	
1	Huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn		19.800	18.000	1.800	Ngân sách huyện đối ứng tối thiểu 5%
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở (*)			29.995	26.083	3.912	Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 15%
II.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		1,20	28.484	24.769	3.715	
II.1.1	Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	0,70	16.616	14.449	2.167	
II.1.2	Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	0,50	11.868	10.320	1.548	
II.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			1.511	1.314	197	
II.2.1	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội		1.511	1.314	197	

(*) Đối với Dự án 4: UBND tỉnh sẽ giao chi tiết kế hoạch vốn sau khi các dự án có Quyết định phê duyệt dự án.